

Bản án số: 139/2022/HS-ST

Ngày: 12 – 5 – 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Thiện.

Bà Trần Ngọc Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 98/2022/TLST- HS ngày 25 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2022/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2022/HSST-QĐ ngày 05/5/2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn P, sinh năm 1992 tại tỉnh Trà Vinh; nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh; chỗ ở hiện nay: Khu phố F, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1964; có vợ tên Trần Thị Kim C và 02 người con;

Tiền án: Ngày 04 tháng 8 năm 2015, bị Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 142/2015/HS-ST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/6/2016 theo giấy xác nhận số 46/XN ngày 07/01/2022 của Trại giam Xuyên Mộc – Cục C10, chưa thực hiện nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo Bản án hình sự sơ thẩm số 142/2015/HS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2015.

Tiền sự: Ngày 30 tháng 9 năm 2020, bị Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện P xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn chấp hành là 15 tháng về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy” theo Quyết định số 631/2020/QĐ-TA ngày 30 tháng 9 năm 2020, ngày 30/9/2021 chấp hành xong (theo Giấy chứng nhận số 1758/CN-CS2 ngày 20/8/2021.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27 tháng 11 năm 2021 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1990; nơi cư trú: Ấp P, xã L, huyện P, tỉnh An Giang; chỗ ở: Khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bà Võ Thị Kim Bà C, sinh năm 1996; nơi cư trú: Khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; chỗ ở: Khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Huy T, sinh năm 1974 – Chủ Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng bạc H; nơi cư trú: phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện tại: Khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- Bà Trần Thị T2, sinh năm 1985; nơi cư trú: xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở: Khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 25 tháng 11 năm 2021, Nguyễn Văn P đi bộ từ phòng trọ tại địa chỉ Ô3B – DC02, khu dân cư V, Khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương tìm các phòng trọ khóa cửa để cắt khóa đột nhập nhằm mục đích tài kiểm tài sản của người khác để trộm cắp rồi bán lấy tiền sử dụng tiêu xài cá nhân. Sau đó, P phát hiện phòng trọ số 01 của ông Nguyễn Văn T khóa cửa ngoài. Lúc này, P sử dụng 01 kim thủy lực tác động cắt ổ khóa rồi mở cửa phòng đi vào bên trong lục lọi đồ đạc, chiếm đoạt được số tiền 3.500.000 đồng, 01 cái nhẫn bằng vàng 18k trọng lượng 02 phân 05 ly và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s rồi nhanh chóng rời khỏi hiện trường. Đối với cái nhẫn vàng 18k trọng lượng 02 phân 05 ly, P mang đến tiệm vàng H để bán được số tiền 780.000 đồng. Số tiền mà P chiếm đoạt của ông T là 4.280.000 đồng, trong đó sử dụng vào mục đích cá nhân hết 3.180.000 đồng, còn lại 1.100.000 đồng. Đến khoảng 20 giờ 00 phút cùng ngày, ông T đi về phát hiện phòng trọ bị cắt khóa và bị mất trộm tiền và vàng nên đã đến Công an phường P trình báo sự việc. Quá trình truy xét, Công an phường P đã mời P về làm việc và bản thân P cũng khai nhận hành vi trộm cắp tài sản như trên.

Quá trình lấy lời khai, P còn khai nhận ngày 24 tháng 11 năm 2021 cũng với cách thức tương tự, P cắt khóa phòng trọ tại địa chỉ Ô28 DC43 đường D19, khu dân cư V, Khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương đã trộm 01 sợi dây chuyền màu vàng, 01 chiếc nhẫn kim loại màu trắng, 01 chứng minh nhân dân mang tên Võ Thị Thu C và số tiền 300.000 đồng.

Công an phường P tiến hành kiểm tra hành chính phòng trọ của P tại địa chỉ Ô3B-DC02, Khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương phát hiện và thu giữ: 01 kim thủy lực màu đen; 01 nhẫn kim loại màu trắng; 01 dây chuyền kim loại màu vàng; 01 chứng minh nhân dân mang tên Võ Thị Thu C; 01 điện thoại Iphone 5s màu trắng và số tiền 1.100.000 đồng.

Tại Biên bản định giá và Bản kết luận định giá tài sản ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố T xác định: 01

nhẫn vàng 18k trọng lượng 2 phân 05 ly (0,25 chỉ) trị giá 800.000 đồng; 01 điện thoại Iphone 5 bị hư hỏng hoàn toàn nên không còn giá trị.

Kết luận giám định số 353/C09B ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Phân viện khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận thành phần kim loại của 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng là Đồng là 57,97%, Kẽm là 42,03%, khối lượng 10,7402gam; 01 chiếc nhẫn màu trắng là Đồng là 82,29%, Niken là 16,97%, Kẽm là 0,74%, khối lượng 10,0268gam.

Bản Cáo trạng số 100/CT-VKS-TA ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn P về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

- Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động Iphone5S màu trắng cũ và số tiền 1.100.000 đồng là tài sản của ông Nguyễn Văn T nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông T là có căn cứ.

Đối với 01 chiếc nhẫn vàng 18k trọng lượng 02 phân 05 ly. Sau khi chiếm đoạt, P mang đến tiệm vàng H bán cho ông Nguyễn Huy T, ông T đã đem đi nấu chung với vàng khác phục vụ cho việc kinh doanh nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Đối với 01 chiếc nhẫn kim loại màu trắng, 01 dây chuyền kim loại màu vàng và 01 chứng minh nhân dân mang tên Võ Thị Kim C. Đây là tài sản hợp pháp của bà C nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà C.

Đối với 01 kìm cắt thủy lực là công cụ mà bị cáo P dùng để phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, model TA – 1203 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu LG G6 Verizon là tài sản cá nhân của P, không là công cụ phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường nên không đề nghị xem xét.

Đối với ông Nguyễn Huy T là người đã mua chiếc nhẫn vàng 18k trọng lượng 02 phân 05 ly từ bị cáo P. Quá trình điều tra ông T khai không biết chiếc nhẫn vàng nêu trên do bị cáo phạm tội mà có. Đồng thời, bị cáo P cũng xác định khi bán chiếc nhẫn cho ông T không nói với ông T là tài sản do bị cáo chiếm đoạt của người khác, do đó Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm đối với ông T là đúng quy định.

- Bị cáo Nguyễn Văn P khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thống nhất tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng, không có ý kiến

tranh luận. Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, trở thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị hại Nguyễn Quốc T có yêu cầu xét xử vắng mặt, đây là yêu cầu tự nguyện của ông T; bị hại Võ Thị Kim C và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng này không gây trở ngại cho việc xét xử, phù hợp với Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng những người tham gia tố tụng nêu trên.

Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn P tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ, có đủ cơ sở kết luận:

Vào ngày 24 tháng 11 năm 2021, tại địa chỉ Ô28 DC43 đường D19, khu dân cư V, Khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương bị cáo Nguyễn Văn P lén lút chiếm đoạt số tiền 300.000 đồng của bị hại bà Võ Thị Kim C và ngày 25 tháng 11 năm 2021, tại địa chỉ Ô3B – DC02, khu dân cư V, Khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, bị cáo Nguyễn Văn P lén lút chiếm đoạt 01 chiếc nhẫn vàng 18k trọng lượng 02 phân 05 ly trị giá 800.000 đồng, số tiền 3.500.000 đồng của bị hại ông Nguyễn Văn T. Tổng tài sản bị chiếm đoạt trị giá 4.600.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố bị cáo về tội danh, khung hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng người và đúng pháp luật.

[4] Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại. Hành vi của bị cáo trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại, gây mất trật tự, trị an tại địa phương, lỗi của bị cáo là cố ý trực tiếp. Do đó, cần xử phạt bị cáo với mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội nhằm đảm bảo tính giáo dục riêng cho bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, có một tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên thuộc

trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại Nguyễn Văn T có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[8] Lời đề nghị mức hình phạt của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[9] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) kim cắt thủy lực là công cụ mà bị cáo P dùng để phạm tội cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, model TA – 1203 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu LG G6 Verizon, qua điều tra xác định là tài sản riêng của bị cáo P nên cần trả lại cho bị cáo P.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét.

[11] Đối với ông Nguyễn Huy T là người đã mua chiếc nhẫn vàng 18k trọng lượng 02 phân 05 ly từ bị cáo P. Quá trình điều tra ông T khai không biết chiếc nhẫn vàng nêu trên do bị cáo phạm tội mà có. Đồng thời, bị cáo P cũng xác định khi bán chiếc nhẫn cho ông T không nói với ông T là tài sản do bị cáo chiếm đoạt của người khác, do đó Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm đối với ông T là đúng quy định.

Đối với lời khai của ông Nguyễn Văn T về việc khai nhận mất trộm thêm 12 chỉ vàng 24k, 03 chiếc nhẫn vàng 18k. Quá trình điều tra xác định ngoài lời khai trên thì ông Nguyễn Văn T không có chứng cứ nào chứng minh việc mất trộm những tài sản trên, ông T cũng không có yêu cầu gì khác. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề nghị xử lý là có căn cứ.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Điều 106, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/11/2021.

2. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) kim cắt thủy lực.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn P 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, model TA – 1203 và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu LG G6 Verizon.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng tài sản ngày 30/3/2022 giữa Công an thành phố T và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T).

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn P phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. T;
- Cơ quan THAHS Công an TP. T;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, THAHS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Ánh